CÁC KHUNG BÁO CÁO ESG VÀ TRIỂN VỌNG ÁP DỤNG TẠI VIỆT NAM

TS. Nguyễn Trường Giang*

Hiện nay có nhiều khung báo cáo ESG quốc tế như GRI, SASB, TCFD, ISSB và SDGs, mỗi khung có trọng tâm riêng và cung cấp cấu trúc báo cáo rõ ràng cho doanh nghiệp. Tại Việt Nam, một số doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp niêm yết đã bắt đầu áp dụng các khung này, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính, năng lượng và xuất khẩu. Tuy nhiên, việc áp dụng các khung báo cáo ESGs còn gặp khó khăn do thiếu năng lực nội bộ, hướng dẫn cụ thể và hệ thống dữ liệu. Để khung báo cáo ESG được áp dụng rộng rãi, cần có chính sách hỗ trợ, tiêu chuẩn quốc gia rõ ràng và nâng cao nhận thức trong toàn ngành.

• Từ khóa: *khung báo cáo ESG, tính pháp lý, yếu tố nhân sự, thị trường Việt Nam.*

Currently, there are many international ESG reporting frameworks such as GRI, SASB, TCFD, ISSB, and SDGs, each with its own focus and providing a clear reporting structure for businesses. In Vietnam, some large and listed companies have begun to adopt these frameworks, especially in the finance, energy, and export sectors. However, the application of ESG reporting frameworks still faces difficulties due to a lack of internal capacity, specific guidance, and data systems. For ESG reporting frameworks to be widely adopted, supportive policies, clear national standards, and increased awareness across the industry are needed.

• Key words: *ESG reporting framework, legal aspects, human resources factors, Vietnamese market.*

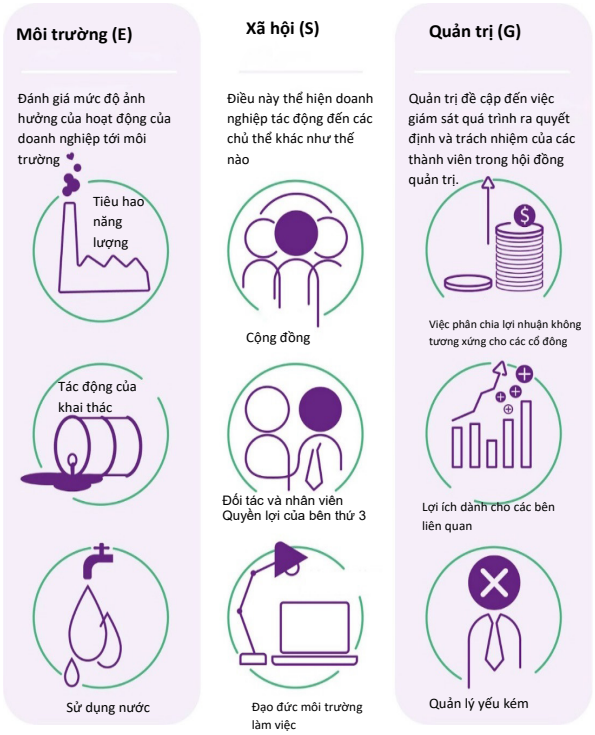
Ngày nhận bài: 08/3/2026
Ngày gửi phản biện: 27/4/2026
Ngày duyệt đăng: 18/5/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i313.32

1. Giới thiệu

Sản xuất kinh doanh bền vững và có đạo đức không chỉ là lựa chọn mà đang ngày càng trở thành yêu cầu bắt buộc đối với các doanh nghiệp. Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh bền vững không chỉ tạo ra lợi nhuận cho chủ sở hữu mà cần phải đảm bảo hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường, xã hội và đảm bảo lợi ích của các chủ thể liên quan. Các mục tiêu này ngày càng đạt được sự đồng thuận cao trong giới kinh doanh, giới đầu tư và các nhà quản lý. Họ phát triển một khái niệm gọi là Môi trường, Xã hội và Quản trị (Environment, Social and governance - ESG).

Sơ đồ 1: Các thành tố ESG



Trong đó thuật ngữ Môi trường (E) đề cập đến các yếu tố liên quan đến tác động của một công ty đối với môi trường tự nhiên. Nó bao gồm các yếu tố như việc sử dụng tài nguyên, ô nhiễm, biến đổi khí hậu, quản lý chất thải, hiệu quả năng lượng và ảnh hưởng đến đa dạng sinh học. Thuật ngữ xã hội (S) đề cập đến tác động của một công ty đối với con người và xã hội. Nó bao gồm việc đánh giá các yếu tố như thực tiễn lao động, quan hệ với nhân viên, đa dạng, công bằng và hòa nhập, gắn kết cộng đồng, sự hài lòng của khách hàng và quyền con người. Thuật ngữ Quản trị (G) đề cập đến các hệ thống và cấu trúc định hướng hoạt

* *Học viện Tài chính*

động và quá trình ra quyết định của một công ty. Điều này bao gồm khả năng thích ứng của mô hình kinh doanh, đạo đức kinh doanh (ví dụ: cơ cấu hội đồng quản trị, thù lao cho lãnh đạo, quyền của cổ đông, tính minh bạch), các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, hành vi cạnh tranh, quản lý rủi ro và việc tuân thủ môi trường pháp lý và quy định.

Việc áp dụng các tiêu chuẩn ESG đang ngày càng trở thành yêu cầu bắt buộc giúp họ có thể tiếp cận thị trường sản phẩm, thị trường vốn và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động vận hành. Hoạt động sản xuất kinh doanh gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, xã hội có thể vấp phải sự tẩy chay của cộng đồng, và hàng hóa của doanh nghiệp không được thị trường chấp nhận. Ngược lại, sự tôn trọng lợi ích cộng đồng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dễ đạt được sự quan tâm tích cực từ khách hàng và thị trường dẫn tới việc sản phẩm dịch vụ được tiêu thụ dễ dàng hơn (Diego và cộng sự, 2025).

Việc dễ dàng tham gia thị trường vốn thể hiện qua hành động của nhà đầu tư trên thị trường khi có tới hơn 3.000 nhà đầu tư tổ chức và nhà cung cấp dịch vụ đã ký cam kết tham gia Các Nguyên tắc Đầu tư Có trách nhiệm (Principles of Responsible Investment - PRI), một thỏa thuận nhằm tích hợp các vấn đề ESG vào phân tích đầu tư và quá trình ra quyết định của họ. Tổng tài sản được quản lý bởi các nhà đầu tư này đã tăng từ 6,5 nghìn tỷ USD vào năm 2006 lên hơn 86 nghìn tỷ USD vào năm 2019.[1] Chi phí sử dụng vốn của các doanh nghiệp có điểm số ESG cao hơn thấp hơn so với các doanh nghiệp có điểm số ESG thấp (Chen và cộng sự, 2023).

Mặc dù áp dụng ESG đóng vai trò quan trọng, tuy nhiên lại là quá trình khó khăn đặc biệt là ở Việt Nam. Một trong những khó khăn hàng đầu là các tiêu chuẩn và quy định ESG vẫn đang trong quá trình phát triển và chưa trở thành chuẩn mực được công nhận rộng rãi như kế toán, kiểm toán. Nghiên cứu này nhằm tổng hợp lại các bộ khung báo cáo ESG hiện nay, phân tích ưu, nhược điểm và khả năng áp dụng của chúng tại Việt Nam.

2. Các bộ khung báo cáo ESG hiện nay

Có nhiều bộ khung báo cáo ESG mà các công ty có thể lựa chọn để tuân theo. Những hướng dẫn được chuẩn hóa này cung cấp cho doanh nghiệp một cách tiếp cận có cấu trúc để đánh giá, đo lường và báo cáo hiệu quả ESG của mình. Đồng thời, chúng giúp các công ty xác định và công bố các thông tin liên quan đến những chủ đề ESG quan trọng nhất, từ đó tạo điều kiện cho việc so sánh và đảm bảo tính nhất quán trong báo cáo giữa các tổ chức khác nhau. Hiện nay, có 6 bộ khung báo cáo ESG mà các doanh nghiệp có thể tham khảo để phát triển báo cáo của mình đó là: Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI), Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững (Sustainability Accounting Standards Board - SASB), Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (International Sustainability Standards Board - ISSB), Lực lượng Đặc nhiệm về Công khai tài chính liên quan đến khí hậu (Task Force on Climate-related Financial Disclosures TCFD), Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (United Nations Sustainable Development Goals- SDGs).

a. Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu

Sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative - GRI) là một tổ chức phi lợi nhuận quốc tế chuyên xây dựng và phổ biến các bộ tiêu chuẩn báo cáo bền vững. Mục tiêu của GRI là giúp các tổ chức trên toàn thế giới minh bạch hơn về các tác động kinh tế, môi trường và xã hội của mình.

GRI cung cấp một khung báo cáo toàn diện, được gọi là Tiêu chuẩn GRI (GRI Standards), bao gồm các chỉ số và hướng dẫn cụ thể giúp doanh nghiệp đo lường và công bố thông tin liên quan đến các vấn đề bền vững quan trọng. Các tiêu chuẩn này được thiết kế để phục vụ nhu cầu thông tin của nhiều bên liên quan, bao gồm nhà đầu tư, khách hàng, cơ quan quản lý và cộng đồng. Tiêu chuẩn GRI (GRI Standards) bao gồm các nguyên tắc báo cáo, chỉ số cụ thể và hướng dẫn chi tiết để tổ chức đo lường và công bố thông tin ESG.

GRI sử dụng phương pháp trọng yếu kép (double materiality) - tức là xem xét cả tác động của tổ chức đến môi trường - xã hội và tác động của các yếu tố ESG đến hoạt động của tổ chức. Hai khía cạnh trong phương pháp trọng yếu kép bao gồm trọng yếu tài chính (financial materiality) và trọng yếu tác động (impact materialit). Trọng yếu tài chính tập trung vào cách các yếu tố trong ESG ảnh hưởng đến tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và giá trị doanh nghiệp. Khía cạnh này chủ yếu phục vụ nhu cầu của nhà đầu tư và các bên liên quan tài chính. Trọng yếu tác động xem xét tác động của doanh nghiệp đến môi trường và xã hội - ví dụ như phát thải khí nhà kính, ảnh hưởng đến cộng đồng, quyền con người, v.v. Khía cạnh này nhấn mạnh trách nhiệm xã hội và minh bạch đối với cộng đồng và xã hội nói chung. Phương pháp trọng yếu kép giúp đảm bảo rằng báo cáo ESG phản ánh cả hai chiều ảnh hưởng: doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi

[1] *Các bên ký kết này, bao gồm hầu hết các nhà đầu tư tổ chức lớn nhất, đã cam kết tuân thủ sáu nguyên tắc, trong đó hai nguyên tắc đầu tiên là: (1) Chúng tôi sẽ tích hợp các vấn đề ESG vào phân tích đầu tư và quy trình ra quyết định, (2) Chúng tôi sẽ là những chủ sở hữu tích cực và đưa các vấn đề ESG vào chính sách và thực tiễn sở hữu của mình (https://www.unpri.org/pri/about-the-pri). Tuy nhiên, cần lưu ý rằng hiện vẫn chưa có bằng chứng cho thấy toàn bộ khối tài sản này đều được đầu tư hoàn toàn theo các nguyên tắc của PRI (https://www.morningstar.com/articles/961765/sustainable-fund-flows-in-2019-smashprevious-records).*

ESG, và doanh nghiệp tác động đến ESG. Nó cung cấp cái nhìn toàn diện hơn cho các bên liên quan.

b. Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững

Hội đồng Chuẩn mực Kế toán Bền vững (SASB) phát triển các bộ tiêu chuẩn kế toán bền vững theo từng ngành, giúp doanh nghiệp xác định, quản lý và truyền đạt các thông tin bền vững có ảnh hưởng trọng yếu về mặt tài chính đến nhà đầu tư. Các tiêu chuẩn này tập trung vào các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) có liên quan đến từng ngành cụ thể, từ đó hỗ trợ doanh nghiệp xác định những chủ đề nào là trọng yếu nhất đối với lĩnh vực hoạt động của mình.

Khác với cách tiếp cận trọng yếu kép của GRI, SASB định hướng xây dựng các tiêu chuẩn báo cáo dựa trên nguyên tắc trọng yếu tài chính (financial materiality), tức là chỉ tập trung vào những yếu tố ESG có khả năng ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả tài chính và giá trị doanh nghiệp trong mắt nhà đầu tư. Điều này có nghĩa là SASB không yêu cầu doanh nghiệp báo cáo mọi khía cạnh liên quan đến môi trường - xã hội, mà chỉ nhấn mạnh các vấn đề thực sự có tác động tài chính rõ ràng và có khả năng ảnh hưởng đến quyết định đầu tư. Ví dụ:

- Trong ngành hàng không, tiêu thụ nhiên liệu và phát thải khí nhà kính là vấn đề trọng yếu vì nó ảnh hưởng đến chi phí vận hành và rủi ro pháp lý.

- Trong ngành ngân hàng, rủi ro liên quan đến cho vay không bền vững có thể ảnh hưởng đến chất lượng tài sản và lợi nhuận.

Cách tiếp cận này giúp báo cáo ESG ngắn gọn, có trọng điểm và tập trung vào các yếu tố có ý nghĩa tài chính cụ thể đối với từng ngành nghề.

Từ năm 2022, SASB đã được sáp nhập vào IFRS Foundation và trở thành một phần của nỗ lực phát triển Bộ Tiêu chuẩn Bền vững Toàn cầu do ISSB điều phối.

c. Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế

Hội đồng Tiêu chuẩn Bền vững Quốc tế (ISSB) là một tổ chức được thành lập dưới sự giám sát của IFRS Foundation. Mục tiêu chính của ISSB là phát triển các bộ tiêu chuẩn nhằm hướng dẫn lĩnh vực tài chính trong việc báo cáo các rủi ro, cơ hội và thông tin liên quan đến biến đổi khí hậu và bền vững. Những bộ tiêu chuẩn này nhằm nâng cao tính minh bạch, khả năng so sánh và chất lượng ra quyết định, thông qua việc cung cấp hướng dẫn báo cáo bền vững nhất quán và đáng tin cậy. Hiện tại, ISSB đã công bố hai bộ tiêu chuẩn đầu tiên - IFRS S1 và IFRS S2. Trong đó:

IFRS S1 - Yêu cầu chung về công bố thông tin tài chính liên quan đến bền vững: Thiết lập các nguyên tắc chung cho việc công bố thông tin về các rủi ro và cơ hội liên quan đến bền vững có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp. Tiêu chuẩn IFRS S1 áp dụng cho tất cả các loại chủ đề bền vững, không chỉ riêng khí hậu. Nó giúp doanh nghiệp cung cấp thông tin nhất quán, có thể so sánh và đáng tin cậy cho nhà đầu tư và các bên liên quan.

IFRS S2 - Công bố thông tin liên quan đến khí hậu: Tập trung vào các rủi ro và cơ hội do biến đổi khí hậu gây ra, bao gồm cả rủi ro vật lý và rủi ro chuyển đổi. IFRS S2 Được xây dựng dựa trên các khuyến nghị của TCFD (Lực lượng Đặc nhiệm về Công bố Thông tin Tài chính Liên quan đến Khí hậu). Nó Yêu cầu công bố thông tin về quản trị, chiến lược, quản lý rủi ro, cũng như các chỉ số và mục tiêu liên quan đến khí hậu.

Hai bộ tiêu chuẩn này hoạt động bổ sung cho nhau và hướng đến việc chuẩn hóa báo cáo ESG trên phạm vi toàn cầu, đặc biệt phù hợp cho các doanh nghiệp niêm yết và tổ chức tài chính.

d. Lực lượng Đặc nhiệm về Công khai tài chính liên quan đến khí hậu

Lực lượng Đặc nhiệm về Công khai tài chính liên quan đến khí hậu (TCFD) tập trung cụ thể vào các rủi ro và cơ hội liên quan đến khí hậu. Sáng kiến này đưa ra các khuyến nghị về việc công bố thông tin liên quan đến khí hậu, giúp doanh nghiệp đánh giá và công bố các tác động tài chính tiềm tàng của biến đổi khí hậu đối với hoạt động kinh doanh của mình.

Thứ nhất, trụ cột Quản trị yêu cầu doanh nghiệp mô tả vai trò của hội đồng quản trị và ban điều hành trong việc giám sát và quản lý các vấn đề khí hậu. Điều này đảm bảo rằng yếu tố khí hậu được lồng ghép vào quy trình ra quyết định chiến lược ở cấp cao nhất.

Thứ hai, trụ cột Chiến lược tập trung vào việc xác định các rủi ro và cơ hội khí hậu có thể ảnh hưởng đến hoạt động và tài chính của doanh nghiệp trong ngắn, trung và dài hạn. Doanh nghiệp cũng được khuyến khích thực hiện phân tích kịch bản khí hậu để đánh giá khả năng thích ứng và chống chịu của mô hình kinh doanh.

Thứ ba, trụ cột Quản lý rủi ro yêu cầu doanh nghiệp trình bày quy trình nhận diện, đánh giá và quản lý rủi ro khí hậu, cũng như cách tích hợp các rủi ro này vào hệ thống quản lý rủi ro tổng thể.

Cuối cùng, trụ cột Chỉ số và Mục tiêu yêu cầu công bố các dữ liệu định lượng như lượng khí thải nhà kính, mức tiêu thụ năng lượng, và đặt ra các mục tiêu giảm phát thải cụ thể nhằm đo lường và theo dõi hiệu quả quản lý khí hậu của doanh nghiệp.

Thông qua khuôn khổ này, TCFD giúp doanh nghiệp không chỉ nâng cao tính minh bạch với các nhà đầu tư mà còn xây dựng năng lực chiến lược để ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu trong dài hạn.

e. Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs).

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) là tập hợp gồm 17 mục tiêu do Liên Hợp Quốc thông qua nhằm giải quyết các thách thức toàn cầu. Nhiều doanh nghiệp định hướng các hoạt động ESG của mình theo các mục tiêu này và công bố đóng góp của họ trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Các Mục tiêu Phát triển Bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) và ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) có mối liên hệ chặt chẽ, bổ trợ lẫn nhau trong việc thúc đẩy phát triển bền vững toàn diện. Trong khi SDGs cung cấp một khung định hướng toàn cầu nhằm giải quyết các thách thức xã hội, môi trường và kinh tế, thì ESG đóng vai trò là hệ thống đo lường và báo cáo hiệu quả thực hiện của doanh nghiệp đối với các khía cạnh này.

Việc tích hợp SDGs vào chiến lược ESG không chỉ giúp doanh nghiệp xác định các lĩnh vực có tác động lớn nhất, mà còn tăng cường khả năng truyền đạt giá trị bền vững đến nhà đầu tư, khách hàng và cộng đồng. Đây cũng là cách để doanh nghiệp đóng góp một cách có trách nhiệm và đo lường được vào sự phát triển chung của xã hội toàn cầu. SDGs có thể được coi là một chiến lược vĩ mô gắn với chính phủ, và các tổ chức toàn cầu, trong khi đó ESGs là bộ tiêu chuẩn chiến thuật dành cho doanh nghiệp thực hành và định hướng các nhà đầu tư.

Bảng 1. ESG và mục tiêu phát triển bền vững

Trụ cột ESG	Nội dung chính	SDGs liên quan
Môi trường (E)	- Quản lý khí thải - Tiết kiệm tài nguyên - Bảo vệ hệ sinh thái	- SDG 7: Năng lượng sạch và giá cả hợp lý- SDG 12: Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm- SDG 13: Hành động vì khí hậu
Xã hội (S)	- Phúc lợi người lao động- Bình đẳng giới - Đóng góp cộng đồng	- SDG 3: Sức khỏe và hạnh phúc- SDG 4: Giáo dục chất lượng- SDG 5: Bình đẳng giới- SDG 8: Việc làm bền vững và tăng trưởng
Quản trị (G)	- Minh bạch thông tin - Quản trị hiệu quả - Chống tham nhũng	- SDG 16: Hòa bình, công lý và thể chế vững mạnh- SDG 17: Hợp tác toàn cầu vì phát triển bền vững

Trong lĩnh vực ESG, nhiều doanh nghiệp sử dụng SDGs như một khung định hướng chiến lược, nhằm đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh không chỉ tạo ra giá trị tài chính mà còn đóng góp tích cực cho xã hội và môi trường. Việc liên kết các sáng kiến ESG với các mục tiêu SDGs giúp doanh nghiệp:

- Xác định các lĩnh vực có ảnh hưởng lớn nhất,
- Đo lường và báo cáo tác động một cách minh bạch.
- Nâng cao uy tín và khả năng tiếp cận nguồn vốn bền vững.

3. Thuận lợi và khó khăn khi áp dụng các khung báo cáo ESG tại Việt Nam

Việc áp dụng các khung báo cáo ESG tại các quốc gia đang phát triển còn gặp nhiều khó khăn, do đó có khoảng trống giữa các quốc gia này với các nước phát triển (Singhania và Saini, 2023). Tại Việt Nam cơ quan quản lý, doanh nghiệp và thị trường có cái nhìn đồng thuận về hiệu quả tích cực của việc áp dụng các khung báo cáo ESG. Tiến trình này gặp nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn chủ yếu đến từ hành lang pháp lý và khả năng đáp ứng của nguồn nhân lực.

3.1. Về mặt pháp lý

Việt Nam hiện đang từng bước hoàn thiện khung pháp lý nhằm thúc đẩy việc áp dụng các chuẩn mực ESG (Môi trường, Xã hội và Quản trị) trong cộng đồng doanh nghiệp. Việc này xuất phát từ các cam kết quốc tế mạnh mẽ như Hiệp định Paris và Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), đặc biệt là cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ công bố tại COP26. Những cam kết này đã được chuyển hóa vào nhiều văn bản pháp luật trong nước, góp phần tạo nền tảng cho doanh nghiệp hướng tới phát triển bền vững.

Hiện tại, Việt Nam chưa có một đạo luật chuyên biệt về ESG, tuy nhiên các yếu tố ESG đã được lồng ghép vào nhiều quy định pháp lý quan trọng. Ví dụ, Luật Bảo vệ môi trường 2020 nhấn mạnh trách nhiệm doanh nghiệp trong việc sử dụng tài nguyên hiệu quả và giảm phát thải; Thông tư 96/2020/TT-BTC yêu cầu các công ty niêm yết công bố thông tin liên quan đến môi trường, lao động và quản trị; cùng với đó là Bộ nguyên tắc quản trị công ty năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành. Ngoài ra, các luật chuyên ngành như Luật Lao động, Luật Bình đẳng giới, Luật Tiết kiệm năng lượng… cũng hỗ trợ thúc đẩy thực hành ESG trong từng lĩnh vực cụ thể.

Một số yêu cầu đã trở thành bắt buộc đối với doanh nghiệp niêm yết, trong khi phần lớn các doanh nghiệp còn lại vẫn chỉ thực hiện theo hướng khuyến khích. Mặc dù vậy, nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là các công ty có định hướng xuất khẩu hoặc tiếp cận vốn quốc tế, đang chủ động triển khai ESG như một lợi thế cạnh tranh. Chính phủ cũng đang trong quá trình xây dựng và điều chỉnh các quy định pháp lý gần hơn với chuẩn mực quốc tế, học hỏi từ các khuôn khổ như EU Taxonomy hay CSRD.

Tuy nhiên, khung pháp lý ESG tại Việt Nam vẫn còn phân tán, thiếu sự thống nhất và đồng bộ. Doanh

nghiệp, đặc biệt là khối vừa và nhỏ, gặp khó khăn trong việc hiểu, áp dụng và báo cáo theo các tiêu chuẩn ESG do thiếu chuyên môn và cơ sở hạ tầng hỗ trợ. Thêm vào đó, hiện chưa có hệ thống kiểm định độc lập đủ mạnh để giám sát chất lượng báo cáo ESG, làm gia tăng nguy cơ "greenwashing". Ngoài ra, các công cụ thị trường như giao dịch tín chỉ carbon hay chứng nhận năng lượng tái tạo (RECs) vẫn đang trong giai đoạn thử nghiệm.

Việt Nam đã có những bước đi tích cực trong việc xây dựng nền tảng pháp lý cho ESG, nhưng cần tiếp tục hoàn thiện khung quy định một cách đồng bộ, minh bạch và dễ tiếp cận. Đồng thời, cần đầu tư vào năng lực giám sát, hỗ trợ doanh nghiệp về tài chính - kỹ thuật, và phát triển cơ chế thị trường để ESG không chỉ là yêu cầu tuân thủ mà còn là cơ hội phát triển bền vững thực chất cho doanh nghiệp Việt.

3.2. Về nguồn nhân lực

Về mặt nhân sự, việc triển khai các chuẩn mực ESG tại Việt Nam đang đối mặt với cả cơ hội và thách thức đáng kể. Một trong những thuận lợi lớn nhất là ESG ngày càng được quan tâm trong cộng đồng doanh nghiệp, từ đó thúc đẩy nhu cầu tuyển dụng và đào tạo nhân sự chuyên trách về môi trường, xã hội và quản trị. Nhiều trường đại học, viện đào tạo và tổ chức phi chính phủ bắt đầu cung cấp các khóa học, chương trình chứng chỉ và hội thảo chuyên sâu về ESG, góp phần hình thành lực lượng lao động tiềm năng có kiến thức nền tảng về phát triển bền vững. Đồng thời, sự hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế và doanh nghiệp FDI đang hoạt động tại Việt Nam cũng giúp tạo điều kiện tiếp cận kiến thức và kỹ năng ESG hiện đại.

Tuy nhiên, khó khăn về nhân sự vẫn là một rào cản đáng kể khi ESG còn là khái niệm khá mới đối với phần lớn lực lượng lao động tại Việt Nam. Hiện nay, số lượng chuyên gia có hiểu biết chuyên sâu và kinh nghiệm thực tiễn trong lĩnh vực ESG còn rất hạn chế, đặc biệt là ở khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs). Nhiều doanh nghiệp chưa có bộ phận hoặc nhân sự chuyên trách ESG, dẫn đến tình trạng nhân viên kiêm nhiệm hoặc thiếu định hướng rõ ràng khi triển khai. Ngoài ra, chưa có nhiều tiêu chuẩn nghề nghiệp hoặc khung năng lực ESG được quy chuẩn hóa, khiến việc tuyển dụng và đánh giá nhân sự trong lĩnh vực này trở nên khó khăn.

Bên cạnh đó, việc đào tạo nội bộ để xây dựng năng lực ESG cho đội ngũ hiện hữu cũng gặp trở ngại về thời gian, chi phí và khả năng tiếp cận tài liệu phù hợp. Nhân sự cấp quản lý trong nhiều doanh nghiệp vẫn còn nhìn ESG dưới góc độ tuân thủ hơn là chiến lược phát triển, làm giảm động lực đầu tư cho đào tạo chuyên sâu. Ngoài ra, rào cản ngôn ngữ và khả năng tiếp cận thông tin quốc tế cũng ảnh hưởng đến việc cập nhật kiến thức và xu hướng ESG toàn cầu trong cộng đồng nhân sự Việt Nam.

Trong khi cơ hội về nhân sự ESG đang mở ra cùng với xu thế toàn cầu hóa và cam kết quốc tế của Việt Nam, thì những hạn chế về chuyên môn, định hướng nghề nghiệp và đầu tư phát triển con người vẫn là bài toán cần được giải quyết đồng bộ. Doanh nghiệp cần chú trọng xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực ESG bài bản, kết hợp đào tạo nội bộ với hợp tác bên ngoài, để nâng cao năng lực thực thi và tạo giá trị bền vững trong dài hạn.

3.3. Về cơ sở dữ liệu

Một trong những rào cản lớn khi áp dụng các khung báo cáo ESG tại Việt Nam là hệ thống dữ liệu còn thiếu và yếu, cả về chất lượng lẫn tính sẵn có. Nhiều doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa xây dựng được quy trình thu thập, lưu trữ và quản lý dữ liệu ESG một cách hệ thống. Các dữ liệu về môi trường (như phát thải khí nhà kính, tiêu thụ năng lượng, xử lý chất thải), xã hội (như lao động, đa dạng giới, an toàn lao động) và quản trị (như cơ cấu hội đồng quản trị, minh bạch tài chính) thường bị phân tán giữa nhiều bộ phận, không có chuẩn hóa, và chưa được số hóa đầy đủ.

Thêm vào đó, thiếu các chỉ số đo lường cụ thể và công cụ phần mềm hỗ trợ khiến việc tổng hợp và báo cáo dữ liệu ESG trở nên thủ công, tốn thời gian và dễ sai sót. Các doanh nghiệp cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận hướng dẫn kỹ thuật về đo lường và báo cáo theo các tiêu chuẩn quốc tế như GRI hay TCFD. Ngoài ra, chưa có hệ thống dữ liệu quốc gia thống nhất về ESG để các doanh nghiệp tham chiếu hoặc so sánh hiệu suất hoạt động, dẫn đến sự thiếu nhất quán và khó khăn trong đánh giá tính trọng yếu.

Việc thiếu nền tảng dữ liệu đầy đủ và tin cậy không chỉ làm giảm chất lượng báo cáo ESG mà còn ảnh hưởng đến tính minh bạch, khả năng kiểm chứng và uy tín của doanh nghiệp trong mắt nhà đầu tư và đối tác quốc tế. Để khắc phục, cần có sự đầu tư đồng bộ vào hạ tầng công nghệ thông tin, đào tạo nhân sự chuyên môn về quản trị dữ liệu ESG, và xây dựng cơ sở dữ liệu ESG ngành/lĩnh vực ở cấp quốc gia.

Tài liệu tham khảo:

Chen, Y., Li, T., Zeng, Q., & Zhu, B. (2023). Effect of ESG performance on the cost of equity capital: Evidence from China. International Review of Economics & Finance, 83, 348-364.

Diego, J., & Montes-Sancho, M. J. (2025). Nexus supplier transparency and supply network accessibility: effects on buyer ESG risk exposure. International Journal of Operations & Production Management, 45(4), 895-924.

Singhania, M., & Saini, N. (2023). Institutional framework of ESG disclosures: comparative analysis of developed and developing countries. Journal of Sustainable Finance & Investment, 13(1), 516-559.

Ulloa, Renata (2025). What is ESG and why is it important? https://www.anthesisgroup.com/au/insights/what-is-esg-and-why-is-it-important/ (Truy cập ngày 23/6/2025).

UN. The 17 goals. https://sdgs.un.org/goals (Truy cập ngày 23/6/2025).